

Số: 39/BC-THPT

Tân Châu, ngày 01 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2022-2023

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường THPT Tân Hưng báo cáo thực hiện các nội dung công khai theo quy định như sau:

1. Biểu mẫu 09: Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024.
2. Biểu mẫu 10: Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023.
3. Biểu mẫu 11: Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024.
4. Biểu mẫu 12: Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024.

Trên đây là báo cáo các nội dung công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông của trường THPT Tân Hưng./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Viên chức trong đơn vị;
- Phụ huynh học sinh;
- Lưu: VT, niêm yết thông báo.

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Văn Chở

Tân Châu, ngày 01 tháng 11 năm 2023

**CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
CỦA TRƯỜNG THPT TÂN HƯNG NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo Báo cáo số 39 /BC-THPT, ngày 01/11/2023 của trường THPT Tân Hưng)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10 282	Lớp 11 211	Lớp 12 212
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 thuộc địa bàn các xã (thị trấn) của huyện Tân Châu và các huyện khác trong tỉnh Tây Ninh. - Tham gia kỳ tuyển sinh lớp 10 THPT do Sở Giáo dục và đào tạo Tây Ninh tổ chức và phải đạt điểm chuẩn vào trường hoặc có tham gia xét tuyển và đạt điểm chuẩn theo quy định.	- HS sinh sống thuộc địa bàn các xã (thị trấn) của huyện Tân Châu và các huyện khác trong tỉnh Tây Ninh. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	- HS sinh sống thuộc địa bàn các xã (thị trấn) của huyện Tân Châu và các huyện khác trong tỉnh Tây Ninh. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.
II	Chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện	- Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD và ĐT, quy định của Sở GD và ĐT Tây Ninh.		
III	Các yêu cầu			
1.	Về phối hợp giữa nhà trường và gia đình	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban Đại diện Cha mẹ học sinh (CMHS) đúng quy định hiện hành. Ban Đại diện CMHS học sinh trường họp giao ban 01 lần/ quý và họp đột xuất khi có yêu cầu. Ban Đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định.		
2	Về thái độ học tập của học sinh	- Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, tích cực, siêng năng trong học tập và rèn luyện. - Chấp hành nghiêm túc pháp luật, các quy định tại Điều lệ trường trung học, nội quy nhà trường và tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.		

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh	- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bảng, đèn chiếu sáng, quạt. - Được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ công tác dạy và học. Học sinh được tham gia hoạt động Đoàn Thanh niên, các hoạt động truyền thông, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ -TDTT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn quỹ đóng góp từ Ban Đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (03/02, 02/9, 20/11, 22/12, 26/3, 19/5,...). - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (thi học sinh giỏi, Hội khỏe Phù Đổng,...).		
V	Kết quả năng lực đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Đạo đức học sinh: Tối thiểu có 98% học sinh chấp hành tốt nội quy nhà trường, tích cực rèn luyện đạo đức, thực hiện khá tốt các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập: Phấn đấu 90% lên lớp thẳng và 98% học sinh tốt nghiệp THPT. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Duy trì sĩ số đạt ít nhất từ 96%. - HS được tiếp tục phân luồng, định hướng nghề nghiệp sau THCS. - Sau khi tốt nghiệp học sinh đủ điều kiện học các trường trung cấp nghề hoặc thi tuyển, xét tuyển vào các trường CĐ, ĐH. Tỷ lệ trúng tuyển vào các trường CĐ, ĐH ít nhất 50% (trong đó ĐH đạt 30%).		

Nơi nhận:

- Sở GD và ĐT;
- Viên chức trong đơn vị;
- Phụ huynh học sinh;
- Lưu: VT, niêm yết thông báo, đăng website của đơn vị.

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Văn Chở

Tân Châu, ngày 01 tháng 11 năm 2023

**CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
 CỦA TRƯỜNG THPT TÂN HƯNG NĂM HỌC 2022-2023**
(Kèm theo Báo cáo số 39/BC-THPT, ngày 01/11/2023 của trường THPT Tân Hưng)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	644	237	223	184
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	85,40%	80,59%	85,65%	90,22%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	13,35%	18,14%	12,56%	9,24%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,78%	0%	1,79%	0,54%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,47%	1,27%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực (sau kiểm tra lại)	644	237	223	184
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	8,7%	2,95%	12,56%	11,41%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	30,59%	14,35%	33,18%	48,37%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	52,48%	68,78%	49,78%	38,04%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	8,23%	13,92%	1,35%	2,17%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	3,14%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	644	237	223	184
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	91,8%	86,1%	92,82%	100% ĐKKDTTN
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	8,7%	2,95%	12,56%	11,41%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	30,59%	14,35%	33,18%	48,37%
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	8,23%	13,92%	7,17%	2,17%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,48%	1,19%	0%	0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	07/0	02/0	03/1	2/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	4,0%	7,17%	2,6%	2,17%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	0	0	0
1	Cấp tỉnh/thành phố	17	/	/	/
-	Học sinh giỏi các môn văn hóa	0	0	0	0
-	Học sinh giỏi Thể dục Thể thao, QPAN	07	4	2	1
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	184	/	/	184
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	184 (100%)	/	/	182 (98,91%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học (tỷ lệ so với tổng số)	58/184 (31,05%)	/	/	58/184 (31,05%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	289/355	108/129	108/115	73/111
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	03	01	0	03

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Viên chức trong đơn vị;
- Phụ huynh học sinh;
- Lưu: VT, niêm yết thông báo.

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Văn Chở

Tân Châu, ngày 01 tháng 11 năm 2023

CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
CỦA TRƯỜNG THPT TÂN HƯNG NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Báo cáo số 39/BC-THPT, ngày 01/11/2023 của trường THPT Tân Hưng)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	28	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	28	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	0	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học		-
8	Bình quân học sinh/lớp	38	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	13760	14,85
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		7,43
VI	Tổng diện tích các phòng	2797	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1456	1,43
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1144	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	130	0,22
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng khác (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	1	
2	Khối lớp 11	1	
3	Khối lớp 12	1	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	-
5			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	48	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10	
2	Cassette	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu Overhead/projector/vật thể	09	
5	Bảng tương tác	0	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*): Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT, ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT, ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu.

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Viên chức trong đơn vị;
- Phụ huynh học sinh;
- Lưu: VT, niêm yết thông báo.

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Văn Chở

Tân Châu, ngày 01 tháng 11 năm 2023

**CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ
VÀ NHÂN VIÊN CỦA TRƯỜNG THPT TÂN HƯNG NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo Báo cáo số 39/BC-THPT, ngày 01/11/2023 của trường THPT Tân Hưng)

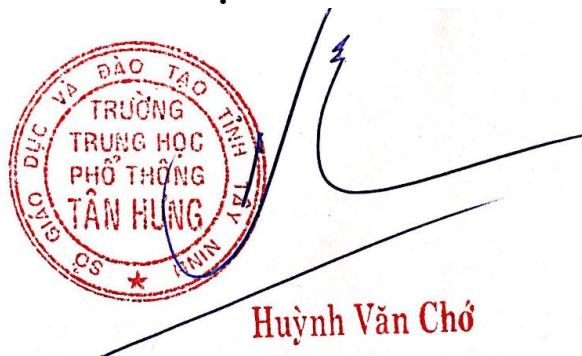
TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	41		3	31	2	2	3	30	4	0	0	34	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	33	0	1	30	0	0	0	30	2	0	0	0	0	0
1	Toán	5			5				5				5		
2	Vật lý	4		1	3				4				4		
3	Hóa học	2			2				2				2		
4	Sinh học	2			2				2				2		
5	Tin học	3			3				2	1			3		
6	Công nghệ	0			0				0				0		
7	Ngữ văn	4		1	3				4				4		
8	Lịch sử	2			2				2				2		
9	Địa lý	2			2				2				2		
10	GDCD	1			1				1				1		
11	Tiếng Anh	3			3				2	1			2		
12	Thể dục	4			4				4				4		
13	GDQP-AN	0													
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1		1						1			1		
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1			1		
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Nhân viên bảo vệ	2						2							
10	Nhân viên tạp vụ	1						1							

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Viên chức trong đơn vị;
- Phụ huynh học sinh;
- Lưu: VT, niêm yết thông báo.

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Văn Chở